

Số: 03 /2010/TT-BCT

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2010

THÔNG TƯ
Quy định một số nội dung
về bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp

Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 106/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Điện lực về bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp (Nghị định số 106/2005/NĐ-CP); Nghị định số 81/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 106/2005/NĐ-CP (Nghị định số 81/2009/NĐ-CP);

Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực, Nghị định số 106/2005/NĐ-CP, Nghị định số 81/2009/NĐ-CP như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết khoản 2 Điều 51 Luật Điện lực, khoản 3 Điều 3 và khoản 1, khoản 4 Điều 9 Nghị định số 106/2005/NĐ-CP; khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 1 Nghị định số 81/2009/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các đơn vị điện lực, các hộ dân sống trong và liền kề hành lang an toàn lưới điện và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Đặt biển cấm, biển báo

Ngoài việc thực hiện các quy định chung của pháp luật về biển cấm, biển báo, việc đặt biển cấm và biển báo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 9 Nghị định số 106/2005/NĐ-CP được thực hiện như sau:

1. Đối với đường dây dẫn điện trên không, phải đặt biển báo an toàn điện theo TCVN 2572-78 kiểu 2aX bắt cố định trên cột hoặc dùng khuôn biển kiểu 2K để in biển trực tiếp lên cột ở độ cao 2,0m đến 2,5m so với mặt đất về phía dễ nhìn thấy. Biển báo an toàn điện phải đặt hoặc in ở tất cả các cột.

2. Đối với đường cáp điện ngầm, trên mặt đất ở vị trí tìm rãnh cáp phải đặt cột mốc hoặc biển báo "CÁP ĐIỆN LỰC"; cột mốc hoặc biển báo phải được đặt ở những chỗ dễ thấy và có thể xác định được đường cáp, ở mọi vị trí. Tại các vị trí chuyển hướng bắt buộc phải đặt cột mốc hoặc biển báo; khoảng cách giữa hai cột mốc, biển báo liền kề không quá 30m.

3. Đối với trạm điện có tường rào bao quanh, trạm hợp bộ kiểu kín, tủ đóng cắt, phải đặt biển báo an toàn điện theo TCVN 2572-78 kiểu 1aX bắt trực tiếp lên cửa hoặc cổng ra vào của trạm điện.

4. Đối với trạm điện treo, trên cột đặt trạm phải đặt biển báo an toàn điện như quy định đối với đường dây trên không.

Điều 4. Khu dân cư, nơi công cộng thường xuyên tập trung đông người

Khu dân cư, nơi công cộng thường xuyên tập trung đông người quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 81/2009/NĐ-CP được quy định như sau:

1. Khu dân cư (bao gồm cả khu quy hoạch dân cư) là khu vực địa lý hiện có các hộ dân sinh sống hoặc được quy hoạch để các hộ dân chuyển đến sinh sống, không phân biệt ít hay nhiều hộ dân.

2. Nơi công cộng thường xuyên tập trung đông người là những khu vực, địa điểm phục vụ chung cho mọi người như chợ, quảng trường, cơ sở kinh tế, văn hoá, khu vực trường học, tổ chức hội chợ, triển lãm, vui chơi giải trí.

Điều 5. Nối đất phòng, tránh điện cảm ứng

Việc nối đất quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 81/2009/NĐ-CP được thực hiện như sau:

1. Phạm vi nối đất

a) Cấp điện áp 220 kV: Trong và ngoài hành lang an toàn lưới điện đến 25m tính từ mép dây dẫn ngoài hoặc dưới cùng.

b) Cấp điện áp 500kV: Trong và ngoài hành lang an toàn lưới điện đến 60m tính từ mép dây dẫn ngoài hoặc dưới cùng.

2. Yêu cầu nối đất

a) Nhà ở, công trình có mái bằng kim loại cách điện với đất: chỉ nối đất mái, các kết cấu kim loại nằm dưới mái không phải nối đất.

b) Nhà ở, công trình có mái không làm bằng kim loại: nối đất tất cả các kết cấu kim loại cách điện với đất như vách, tường bao, dầm, xà, vì kèo, khung cửa.

c) Nối đất các kết cấu kim loại cách điện với đất ở bên ngoài nhà ở, công trình như khung sắt, tấm tôn, ăng ten ti vi, dây phơi.

3. Trang bị nối đất

a) Cọc tiếp đất được làm bằng thép tròn đường kính không nhỏ hơn 16 mm (hoặc thép vuông có tiết diện tương đương) hoặc thép góc có kích thước không nhỏ hơn 40 x 40 x 4mm; chiều dài không nhỏ hơn 1,0m đặt vào đất theo phương thẳng đứng, một đầu nhô lên khỏi mặt đất từ 0,1m đến 0,15m; nơi đặt cọc tiếp đất không được gây trở ngại cho người sử dụng nhà ở, công trình. Không được sơn phủ các vật liệu cách điện lên bề mặt cọc tiếp đất. Tại những nơi dễ bị ăn mòn, các cọc tiếp đất phải được mạ đồng hoặc mạ kẽm.

b) Dây nối đất có thể được làm bằng thép tròn đường kính không nhỏ hơn 6mm; thép dẹt kích thước không nhỏ hơn 24 x 4mm; dây đồng mềm tiết diện không nhỏ hơn 16mm²; nếu dây nối đất làm bằng thép thì phải được mạ

kẽm hoặc sơn chống gỉ; dây nối đất được nối với phần nổi trên mặt đất của cọc tiếp đất và kết cấu kim loại cần nối đất bằng bu lông bắt chặt hoặc hàn.

c) Trong trường hợp nhà ở, công trình đã có nối đất đang được sử dụng thì không cần phải làm thêm cọc tiếp đất mà chỉ cần liên kết dây nối đất vào nối đất đó bằng bu lông bắt chặt hoặc hàn.

d) Cho phép thay thế cọc tiếp đất bằng các vật nối đất tự nhiên như kết cấu kim loại nằm trong đất của nhà ở và công trình.

4. Chi phí nối đất và quản lý hệ thống nối đất

a) Chi phí nối đất

Đối với nhà ở, công trình có trước khi xây dựng công trình lưới điện cao áp, chủ đầu tư công trình lưới điện cao áp chịu mọi chi phí lắp đặt hệ thống nối đất.

Đối với nhà ở, công trình có sau công trình lưới điện cao áp thì chủ sở hữu, người sử dụng hợp pháp nhà ở, công trình chịu mọi chi phí lắp đặt, bảo dưỡng hệ thống nối đất.

b) Quản lý hệ thống nối đất

Chủ sở hữu, người sử dụng hợp pháp nhà ở, công trình có các kết cấu kim loại nối đất phải quản lý hệ thống nối đất. Khi phát hiện hệ thống nối đất hư hỏng hoặc có hiện tượng bất thường thì báo ngay cho đơn vị quản lý lưới điện cao áp để phối hợp giải quyết.

Điều 6. Thoả thuận khi xây dựng mới hoặc cải tạo nhà ở, công trình (gọi tắt là công trình) trong hành lang an toàn lưới điện

Việc thỏa thuận các biện pháp đảm bảo an toàn quy định tại khoản 2 Điều 51 Luật Điện lực được thực hiện như sau:

1. Trước khi xây dựng mới hoặc cải tạo công trình, chủ đầu tư hoặc chủ sở hữu hoặc người sử dụng hợp pháp công trình (sau đây gọi tắt là chủ công trình) phải gửi văn bản đề nghị xây dựng mới hoặc cải tạo công trình đến đơn vị quản lý lưới điện cao áp.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, đơn vị quản lý lưới điện cao áp có trách nhiệm khảo sát hiện trường nơi dự kiến xây dựng, cải tạo công trình và lập văn bản thoả thuận với chủ công trình.

Trường hợp không đủ điều kiện để lập văn bản thoả thuận, đơn vị quản lý lưới điện cao áp phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do không thoả thuận cho chủ công trình trong thời hạn nêu trên.

2. Nội dung văn bản thoả thuận bao gồm:

a) Các biện pháp đảm bảo an toàn được áp dụng;

b) Xác định khoảng cách an toàn theo quy định tại Nghị định số 106/2006/NĐ-CP;

c) Trách nhiệm của các bên liên quan;

d) Các thoả thuận khác.

Điều 7. Trạng thái võng cực đại của dây dẫn điện

Trạng thái võng cực đại quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 106/2005/NĐ-CP; khoản 1, khoản 3, khoản 4 Nghị định số 81/2009/NĐ-CP được thực hiện như sau:

Trạng thái võng cực đại của dây dẫn điện là trạng thái mà tại thời điểm đó, dây dẫn đồng thời chịu tác động khắc nghiệt nhất của các yếu tố ảnh hưởng như dòng điện chạy qua dây dẫn, nhiệt độ môi trường xung quanh, cấp độ gió cho phép.

Cơ quan tư vấn thiết kế, cơ quan phê duyệt thiết kế kỹ thuật đường dây phải căn cứ vào các yếu tố tăng nhiệt độ do bức xạ nhiệt, nhiệt độ phát nóng do mang đầy tải và quá tải cho phép để tính toán thiết kế đường dây đảm bảo độ võng cực đại đáp ứng được khoảng cách quy định tại Nghị định số 106/2005/NĐ-CP và Nghị định số 81/2009/NĐ-CP.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 3 năm 2010.

2. Bãi bỏ Thông tư số 06/2006/TT-BCN ngày 26 tháng 9 năm 2006 của Bộ Công nghiệp hướng dẫn thực hiện một số nội dung quy định tại Nghị định số 106/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Điện lực về bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp; Phạm vi nổi đất đối với đường dây điện quy định tại điểm 2.6 Mục II về Biện pháp an toàn đối với dân cư, cán bộ nhân viên sống, làm việc, đi lại gần ĐDK và trạm điện áp cao, ban hành kèm theo Quyết định số 183NL/KHKT ngày 12 tháng 4 năm 1994 của Bộ Năng lượng ban hành tiêu chuẩn ngành.

Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Công Thương để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở Công Thương các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Website: Chính phủ; BCT;
- Công báo;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các cơ quan, doanh nghiệp thuộc Bộ;
- Lưu: VT, PC, ATMT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Hữu Hào